TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 304/2025/QĐST-LĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 423/2025/TLST-LĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 271/2025/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Trần Thị T, sinh năm 1995; thường trú: Ấp P, xã M, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên lạc: Ấp E, xã A, tỉnh Đồng Nai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị N, sinh năm 1999; thường trú: Ấp T, phường K, Thành phố Cần Thơ, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH M; địa chỉ: Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội Cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: Khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu, bản trình bày ý kiến bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T, sinh ngày 24/02/1995; căn cước công dân số 094195009338 cấp ngày 27/12/2021. Do có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội nên đã liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để làm thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định, tuy nhiên trong quá trình làm thủ tục thì bà T được Cơ quan bảo hiểm cung cấp thông tin

về quá trình tham gia BHXH của bà T bị trùng thời gian đóng BHXH. Nguyên nhân bị trùng là vào tháng 3 năm 2015, bà T có cho người quen là bà Lâm Thị N mượn giấy Chứng minh nhân dân để bà N ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M và làm việc tại đây, thời gian làm từ tháng 03 năm 2015 đến tháng 9 năm 2016 và bà N có tham gia BHXH tại đây với mã số BHXH 7414105643, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ lao động, hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội của bà N tại Công ty TNHH M đều mang tên của bà Trần Thị Thư . Thời gian bà N ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH M thì bà Trần Thị T đang làm việc tại Công ty TNHH J có địa chỉ tại: Lô A, đường D, KCN T, A, T, Tây Ninh, tham gia bảo hiểm xã hội và được cấp sổ BHXH với mã số 7214033392.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị N và Công ty TNHH M là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị T nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Trần Thị T (do bà Lâm Thị N là người ký kết) và Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 9/2016 vô hiệu.*

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đối với thời gian bà N tham gia BHXH, trường hợp có giải quyết hậu quả gì liên quan đến việc cho mượn thông tin này bà T chịu trách nhiệm và thực hiện theo quy định.

- Tại bản trình bày ý kiến, bà Lâm Thị N trình bày:

Bà Lâm Thị N và bà Trần Thị T có mối quan hệ là người quen, vào thời điểm năm 2015 do bà N chưa đáp ứng đủ điều kiện về tuổi để ký kết hợp đồng lao động và không hiểu biết về pháp luật nên có mượn chứng minh dân dân của bà Trần Thị T để bổ sung vào hồ sơ xin việc, sau đó ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M và làm việc tại đây từ tháng 3/2015 đến tháng 9/2016, tham gia bảo hiểm xã hội mã số: 7414105643, sau đó nghỉ việc tại công ty này. Thời điểm nêu trên, bà Trần Thị T đang làm việc tại công ty khác, tham gia Bảo hiểm xã hội và được cấp sổ Bảo hiểm xã hội với mã số khác, vì vậy bà Trần Thị T đã bị đóng trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Do đó, bà Trần Thị T đã không làm được thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định. Mặt khác, do thời gian đã lâu, Hợp đồng lao động và Quyết định nghỉ việc tại Công ty TNHH M đã bị thất lạc nên bà N không cung cấp cho Tòa án được.

Nay, đối với yêu cầu của bà Trần Thị T về việc yêu cầu Tòa án: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Trần Thị T (do bà Lâm Thị N là người ký kết) và Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 9/2016 vô hiệu* thì bà N đồng ý.

Đồng thời, do bà N đang sinh sống ở xa, hoàn cảnh khó khăn không có khả năng chi trả chi phí đi lại nên không thể tham gia tố tụng. Vì vậy, bà Lâm Thị N đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ việc. Đồng thời, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không có yêu cầu độc lập gì trong vụ việc. Đối với thời gian bà N tham gia BHXH, trường hợp có giải quyết hậu quả gì liên quan đến việc cho mượn thông tin này bà N chịu trách nhiệm và thực hiện theo quy định.

- Tại Công văn số 406/BHXH-QLT ngày 30/10/205 và Công văn số 738/BHXH-KT ngày 29/11/2025, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H cung cấp thông tin tóm tắt như sau: Bà Trần Thị T, sinh ngày 24/02/1995; căn cước công dân số 094195009338, chứng minh nhân dân số 366150353 có quá trình tham gia bảo hiểm như sau:

Tham gia Bảo hiểm xã hội tại với mã số 7414105643 tại Công ty T1 Thông Dụng thời gian tháng 4 năm 2014, tại Công ty TNHH M, thời gian từ tháng 3 năm 2015 đến tháng 12 năm 2015, chưa được chốt quá trình.

Tham gia Bảo hiểm xã hội tại với mã số 7214033392 tại Công ty TNHH J, thời gian từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 4 năm 2015, đã thực hiện chốt sổ ngày 26/5/2015.

Tham gia Bảo hiểm xã hội tại với mã số 7516182005 tại Công ty TNHH C, thời gian từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 8 năm 2025, đã thực hiện chốt sổ ngày 29/8/2025, đã hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp.

Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu được vắng mặt quá trình giải quyết vụ việc.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M đã giải thể từ năm 2019.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thư .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Trần Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Lời khai của bà Trần Thị T, bà Lâm Thị N phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 4 năm 2015, người lao động Trần Thị T, sinh ngày 24/02/1995; căn cước công dân số 094195009338 cấp ngày 27/12/2021, chứng minh nhân dân số 366150353, làm việc tại làm việc tại Công ty TNHH J; địa chỉ: Lô A, đường D, KCN T, A, T, Tây Ninh, có tham gia BHXH và được cấp Sổ BHXH số 7214033392.

Bà T, bà N đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M và thực tế làm việc tại đây trong khoảng thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 9/2016 là bà Lâm Thị N do bà N đã sử dụng thông tin của bà T để ký kết hợp đồng lao động và tham gia BHXH với mã số 7414105643. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M trong khoảng thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 9/2016 không phải bà Trần Thị Thư . Việc bà N sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Căn cứ theo Thông tin cung cấp từ Cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L -

Thành phố Hồ Chí Minh về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị T bị trùng.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T về việc yêu cầu: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Trần Thị T (do bà Lâm Thị N là người trực tiếp ký kết) và Công ty TNHH M vô hiệu.*

[2.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*. Bà Trần Thị T có quyền liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trần Thị Thư .

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị T với Công ty TNHH M (theo sổ bảo hiểm xã hội có mã số 7414105643) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7414105643 không phải là bà Trần Thị T, sinh ngày 24/02/1995; căn cước công dân số 094195009338 cấp ngày 27/12/2021.

Bà Trần Thị T được quyền liên hệ với Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục điều chỉnh liên quan đến sổ bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0040602 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết

định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Tuyết Ánh